

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Ông Hoài Đức Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình
Tứ - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2022/TLST-DS, ngày 21/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2023/QĐST-DS ngày 15/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 500/2023/QĐST-DS ngày 07/6/2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1976

Địa chỉ: tổ 14, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1991, địa chỉ: khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai và bà Lương Thị L, sinh năm 1990, địa chỉ liên hệ: khu trung tâm hành chính huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phong T, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp T1, xã V1, huyện V2, tỉnh Bạc Liêu.

Tạm trú: Nhà trọ Đ, tổ 14, ấp 3, xã L1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08/8/2022, bản tự khai và các biên bản làm việc tiếp theo, nguyên đơn bà Đỗ Thị V có người đại diện theo ủy quyền bà Lương Thị L trình bày:*

Ông Nguyễn Phong T là người thuê trọ nơi bà V quản lý. Vì có nhu cầu cần tiền làm ăn nên từ năm 2019 đến năm 2021 ông T có mượn của bà V nhiều lần tiền,

cụ thể đến ngày 11/9/2021, giữa bà V và ông T có tổng kết và làm giấy mượn tiền, theo đó ông T có mượn của bà V số tiền là 71.000.000 đồng. Các bên có thỏa thuận 02 tháng đầu ông T sẽ thanh toán mấy triệu đồng một tháng, còn lại sẽ thanh toán hết với thời hạn là 06 tháng. Hai bên có ký giấy mượn tiền ngày 11/9/2021.

Đến ngày 13/9/2021 ông T có mượn thêm số tiền 6.000.000 đồng. Đến ngày 15/9/2021 ông T lại mượn thêm số tiền 6.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền bà V cho ông T vay là 83.000.000 đồng. Tuy nhiên, hết thời hạn 06 tháng, bà V nhiều lần hối thúc ông Nguyễn Phong T trả nợ nhưng ông T không chịu trả.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phong T phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi, cụ thể như sau: Nợ gốc là 83.000.000 đồng và lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 11/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/6/2023 là 10.677.945 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi bà V yêu cầu ông T phải trả tạm tính đến ngày 30/6/2023 là 93.677.945 đồng. Số tiền bà V cho ông T vay là tiền riêng của bà V (bà V đã ly hôn theo Quyết định số 366/2016/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2016, hiện chưa kết hôn với ai).

bà V chỉ yêu cầu một mình ông Nguyễn Phong T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ nói trên cho bà V, ngoài ra không yêu cầu thêm người nào khác phải trả nợ.

** Bị đơn anh Nguyễn Phong T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vụ án thụ lý ngày 21/11/2022 nhưng tới ngày 07/6/2023, TAND huyện N mới ra quyết định đưa vụ án xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 26 và điểm b khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ theo Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị V về việc yêu cầu ông Nguyễn Phong T trả lại cho bà V số tiền nợ gốc là 83.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 08/8/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị V về việc yêu cầu ông Nguyễn Phong T phải trả tiền lãi từ ngày 11/3/2022 đến ngày 07/8/2022.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Phong T phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị

V phải chịu phần án dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đỗ Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phong T phải trả lại số tiền nợ gốc là 83.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Hiện ông Nguyễn Phong T đang sinh sống tạm trú tại tổ 14, ấp 3, xã L1, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Xét đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị V là đúng trình tự thủ tục, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai nên vụ án được thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định bà Đỗ Thị V là nguyên đơn, ông Nguyễn Phong T là bị đơn trong vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị V yêu cầu ông Nguyễn Phong T phải trả số tiền gốc là 83.000.000 đồng thì thấy: Từ năm 2019 đến năm 2021 ông T có vay của bà V nhiều lần tiền, cụ thể đến ngày 11/9/2021, giữa bà V và ông T có tổng kết và làm “Giấy mượn tiền” đề ngày 11/9/2021 với nội dung ông T có mượn của bà V số tiền là 71.000.000 đồng, hẹn mỗi tháng trả mấy triệu, nếu không sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. ông T ký tên “Thạch” và ghi đầy đủ họ tên “Nguyễn Phong T” vào phần bên mượn tiền. Đến ngày 13/9/2021 ông T có vay thêm số tiền 6.000.000 đồng và ngày 15/9/2021 ông T vay tiếp số tiền 6.000.000 đồng. Cả hai lần vay tiền này được ghi vào mặt sau của tờ giấy tay mượn tiền lập ngày 11/9/2021, các bên có chốt lại tổng số tiền đã vay là 83.000.000 đồng và được ông T ký tên xác nhận. Như vậy, việc ông Nguyễn Phong T có vay của bà Đỗ Thị V số tiền 83.000.000 đồng là đúng sự thật nên việc bà V khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền gốc 83.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Phong T phải trả lãi chậm trả tính từ ngày 11/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm thì thấy: Theo nguyên đơn, các bên có thỏa thuận 02 tháng đầu ông T sẽ thanh toán mấy triệu đồng một tháng, phần còn lại sẽ thanh toán hết với thời hạn là 06 tháng. Tuy nhiên, hết thời hạn 06 tháng (tức là đến ngày 11/3/2022) nhưng ông T không chịu trả nợ cho bà V là vi phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V. Do đó, việc bà V khởi kiện yêu cầu ông T phải trả lãi với lãi suất 10%/năm tính từ thời điểm ngày 11/3/2022 là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Tiền lãi được tính từ ngày 11/3/2022 đến ngày xét xử 30/6/2023 là 15 tháng 19 ngày: $83.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 10.677.945 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích như đã nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Phong T phải trả số tiền gốc là 83.000.000 đồng và tiền lãi là 10.677.945 đồng, tổng cộng là 93.677.945 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Nguyễn Phong T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.683.897 đồng.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án chỉ phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chỉ chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Phong T.

Buộc ông Nguyễn Phong T phải trả cho bà Đỗ Thị V tổng số tiền nợ gốc và lãi là 93.677.945 đồng (chín mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Hoàn trả cho bà Đỗ Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.100.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008700 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Ông Nguyễn Phong T phải chịu 4.683.897 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS, THA cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:

- VKS huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hữu Tài